

SỞ TƯ PHÁP TỈNH BẮC KẠN
THANH TRA SỞ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 29 /KL-TTrS

Bắc Kạn, ngày 18 tháng 11 năm 2024

KẾT LUẬN THANH TRA

việc quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2023 đối với Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước, thuộc Sở Tư pháp tỉnh Bắc Kạn

Thực hiện Quyết định thanh tra số 21/QĐ-TTr ngày 04/10/2024 của Chánh Thanh tra Sở Tư pháp, thanh tra việc quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2023 đối với Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước, thuộc Sở Tư pháp tỉnh Bắc Kạn. Từ ngày 14/10/2024 đến ngày 25/10/2024, Đoàn thanh tra đã tiến hành thanh tra trực tiếp tại đơn vị được thanh tra.

Xét Báo cáo kết quả thanh tra ngày 05/11/2024 của Trưởng Đoàn thanh tra, Chánh Thanh tra Sở Tư pháp kết luận như sau:

A. KHÁI QUÁT CHUNG

Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước, thuộc Sở Tư pháp được thành lập theo Quyết định số 2009/QĐ-UBND ngày 11/12/2000 và Quyết định số 1368/QĐ-UBND ngày 15/8/2007 của UBND tỉnh Bắc Kạn; Cơ cấu tổ chức gồm có Ban giám đốc, Phòng Nghiệp vụ - Hành chính và 05 Chi nhánh (tại các huyện Ngân Sơn, Chợ Đồn, Ba Bể, Pác Nặm và Na Rì); Biên chế hiện có 15 viên chức (07 Trợ giúp viên pháp lý và 08 chuyên viên); Trình độ chuyên môn: Đại học 15 người.

Việc bố trí, sắp xếp viên chức thực hiện nhiệm vụ cơ bản đáp ứng yêu cầu của người được trợ giúp pháp lý trên địa bàn tỉnh (01 Phó Giám đốc; 02 Trưởng Chi nhánh; 01 Phụ trách Chi nhánh; 03 Trợ giúp viên pháp lý, 08 chuyên viên tại phòng Nghiệp vụ - Hành chính và các Chi nhánh).

Tài sản, thiết bị làm việc được trang bị đầy đủ; máy vi tính được kết nối internet; được trang bị phòng họp trực tuyến; tài sản, thiết bị được quản lý, sử dụng đúng mục đích.

B. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

(có phụ lục kèm theo)

C. KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ VỀ NHỮNG NỘI DUNG ĐÃ TIẾN HÀNH THANH TRA

I. Nhận xét, kết luận

1. Nhận xét các nội dung thanh tra

Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước đã triển khai thực hiện nhiệm vụ theo chức năng, quyền hạn được giao; Chỉ đạo và theo dõi, hướng dẫn viên

chức quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2023 cơ bản bám sát các chế độ, chính sách, quy định hiện hành về quản lý tài chính của nhà nước và địa phương, quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị; lập dự toán, chấp hành dự toán và quyết toán đúng nguồn kinh phí được giao, chứng từ kế toán cập nhật và lưu trữ theo quy định; Thực hiện công khai tài chính, hạch toán, kế toán và lập báo cáo quyết toán tài chính chi tiết kinh phí các Chương trình, dự án theo Phụ biểu F01-02/BCQT (ban hành kèm theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính) trên phần mềm hệ thống sổ sách kế toán của đơn vị.

2. Kết luận các nội dung thanh tra

2.1. Việc thực hiện kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2023

- *Số kinh phí đã thực hiện:* 51.000.000,đ (Năm mươi một triệu đồng).

- *Việc quản lý, sử dụng kinh phí:* Thực hiện đúng theo các chế độ, chính sách, quy định hiện hành về quản lý tài chính của nhà nước, của địa phương và quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị; lập dự toán, chấp hành dự toán và quyết toán đúng nguồn kinh phí được giao, chứng từ kế toán cập nhật và lưu trữ theo quy định; công khai tài chính và lập báo cáo quyết toán tài chính đúng quy định.

- *Về đối tượng thụ hưởng, nội dung triển khai công tác trợ giúp pháp lý (TGPL):* Xác định và lựa chọn đúng đối tượng thụ hưởng (là cán bộ thôn, bản); nội dung triển khai thực hiện TGPL theo đúng hướng dẫn tại điểm c, mục 2 Văn bản số 2134/BTP-TGPL ngày 28/6/2022 của Bộ Tư pháp.

- *Về chứng từ kế toán:* Giấy rút dự toán số 219 ngày 31/8/2023, thanh toán tiền tổ chức Hội nghị “Bồi dưỡng kiến thức TGPL điểm cho cán bộ thôn bản” tại xã Dương Sơn và Xuân Dương, huyện Na Rì ngày 23/6/2023; Hợp đồng số 145/HĐ ngày 01/6/2023 phát hành trước hợp đồng số 144/HĐ ngày 22/6/2023, là không đúng theo số thứ tự phát hành (số 145 có trước số 144).

2.2. Việc thực hiện kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2023

- *Kinh phí đã thực hiện:* 66.089.688,đ (Sáu mươi sáu triệu, không tám tám mươi chín nghìn sáu trăm tám mươi tám đồng).

- *Việc quản lý, sử dụng kinh phí:* Thực hiện đúng theo các chế độ, chính sách, quy định hiện hành về quản lý tài chính của nhà nước, của địa phương và quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị; lập dự toán, chấp hành dự toán và quyết toán đúng nguồn kinh phí được giao, chứng từ kế toán cập nhật và lưu trữ theo quy định; công khai tài chính và lập báo cáo quyết toán tài chính đúng quy định.

- *Về đối tượng thụ hưởng, nội dung triển khai công tác TGPL:* Xác định và lựa chọn đúng đối tượng thụ hưởng (là người có uy tín trong cộng đồng; chính quyền và đội ngũ cán bộ ở cơ sở, tổ chức, đoàn thể cấp xã, người dân vùng nông thôn, người thực hiện TGPL); nội dung triển khai thực hiện TGPL

theo đúng hướng dẫn tại Phần II, Văn bản số 1918/BTP-TGPL ngày 10/6/2022 của Bộ Tư pháp.

- *Về chứng từ kế toán:* Giấy rút dự toán số 235 ngày 25/9/2023 thanh toán tiền tổ chức Hội nghị “Bồi dưỡng kiến thức trợ giúp pháp lý điểm cho cán bộ các hội đoàn thể cấp xã” trên địa bàn huyện Pác Nặm ngày 05/6/2023, không có dự trù kinh phí, là thực hiện không đúng quy định tại khoản 1, Điều 13 Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính.

2.3. Việc thực hiện kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023

- *Kinh phí đã thực hiện:* 580.000.000,đ (Năm trăm tám mươi triệu đồng).

- *Việc quản lý, sử dụng kinh phí:* Thực hiện đúng theo các chế độ, chính sách, quy định hiện hành về quản lý tài chính của nhà nước, của địa phương và quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị; lập dự toán, chấp hành dự toán và quyết toán đúng nguồn kinh phí được giao, chứng từ kế toán cập nhật và lưu trữ theo quy định; công khai tài chính và lập báo cáo quyết toán tài chính đúng quy định.

- *Về đối tượng thụ hưởng, nội dung triển khai công tác TGPL:* Xác định và lựa chọn đúng đối tượng thụ hưởng (là già làng, trưởng bản, người có uy tín trong cộng đồng, cán bộ cơ sở, người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, người thực hiện TGPL và cán bộ các cơ quan liên quan); nội dung triển khai thực hiện TGPL theo đúng hướng dẫn tại mục 4, Văn bản số 1420/BTP-TGPL ngày 05/5/2022 của Bộ Tư pháp.

- *Về chứng từ kế toán:*

+ Giấy rút dự toán số 192 ngày 15/8/2023, thanh toán tiền in tài liệu truyền thông về TGPL tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tại xã Cốc Đán, Thượng Ân, huyện Ngân Sơn: Chi thanh toán không đúng quy định số tiền 33.364,đ (Ba mươi ba nghìn ba trăm sáu mươi tư đồng).

+ Giấy rút dự toán số 195 ngày 17/8/2023, thanh toán tiền “Hợp đồng thiết kế, in sách Hỏi - đáp TGPL cho người dân tộc thiểu số”: Không có báo cáo kết quả thu thập thông tin báo giá để in cuốn sách Hỏi - đáp TGPL cho người dân tộc thiểu số, thực hiện không đúng quy định tại khoản 7, Điều 4 Quyết định số 17/2019/QĐ-TTg ngày 08/4/2019 của Chính phủ và khoản 1, Điều 13 Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính.

+ Giấy rút dự toán số 203 ngày 18/8/2023, thanh toán tiền thuê xe đi tổ chức “Hội nghị bồi dưỡng kiến thức cho người dân tộc thiểu số” tại huyện Chợ Đồn, Na Rì, Chợ Mới: Biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng số 92/NT, TLHD không ghi ngày nghiệm thu, thanh lý.

+ Giấy rút dự toán số 351 ngày 30/10/2023, thanh toán theo hợp đồng số 42/2023-HĐTT ngày 23/8/2023: Giấy chứng nhận phát sóng (chứng nhận, đảm bảo thời gian phát sóng từ ngày 31/8/2023 đến ngày 19/10/2023) của Đài phát thanh và Truyền hình tỉnh Bắc Kạn không ghi ngày, tháng.

2.4. Việc lưu trữ chứng từ kế toán thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2023: Chứng từ được bảo quản và lưu trữ đầy đủ theo quy định. Tuy nhiên, việc sắp xếp chứng từ không theo thứ tự, thời gian phát sinh.

II. Các biện pháp xử lý theo thẩm quyền đã áp dụng: Không.

III. Những ý kiến còn khác nhau giữa các thành viên Đoàn thanh tra: Không.

IV. Kiến nghị biện pháp xử lý

1. Xử lý về hành chính

Yêu cầu Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước:

+ Tổ chức họp Trung tâm để rút kinh nghiệm, kiểm điểm trách nhiệm các cá nhân chưa chấp hành đúng các quy định của nhà nước để dẫn đến các tồn tại, hạn chế, sai sót đã kết luận qua thanh tra.

- Chỉ đạo và yêu cầu các viên chức thực hiện nhiệm vụ được giao không đúng quy định của nhà nước khắc phục ngay sai phạm, bổ sung các sai sót đã kết luận qua thanh tra.

2. Xử lý về kinh tế: Yêu cầu Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước nộp vào tài khoản số 7111 số tiền 33.364,đ (*Tài khoản thu ngân sách tỉnh Bắc Kạn*) mở tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Bắc Kạn (*ghi nộp, theo kết luận của Thanh tra Sở Tư pháp*).

Trên đây là kết luận thanh tra việc quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2023 đối với Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước, thuộc Sở Tư pháp tỉnh Bắc Kạn./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Thanh tra Bộ Tư pháp;
- Thanh tra tỉnh;
- Giám đốc Sở TP;
- Trung tâm TGPLNN;
- Lưu: TTra; Hồ sơ.

CHÁNH THANH TRA



Nguyễn Đức Thiêm

Phụ lục kèm theo Kết luận số: 29/KL-TTrS ngày 18 tháng 11 năm 2024 của Chánh Thanh tra Sở Tư pháp

B. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

1. Việc xây dựng các văn bản triển khai thực hiện và áp dụng các văn bản hướng dẫn triển khai thực hiện

- Tài liệu liên quan và các văn bản QPPL áp dụng để triển khai thực hiện: Đơn vị đã thực hiện theo các văn bản quy phạm pháp luật¹; văn bản hướng dẫn triển khai thực hiện của Bộ Tư pháp và của UBND tỉnh Bắc Kạn gồm².

- Việc xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ và ban hành các văn bản để triển khai thực hiện: Ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ kèm theo Quyết định số 377/QĐ-TGPL ngày 16/11/2022 của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước; các văn bản triển khai thực hiện theo chức năng³.

2. Nguồn kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia.

2.1. Kinh phí năm 2022 chuyển sang: Kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới 6.089.688,đ.

¹Nghị định số 18/2014/NĐ-CP quy định về chế độ nhuận bút trong lĩnh vực báo chí, xuất bản; Thông tư số 214/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định nội dung tài liệu không kinh doanh để cấp giấy phép xuất bản, ...; Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/7/2017 quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị; Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/03/2022 quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025; Thông tư số 46/2022/TT-BTC ngày 28/7/2022 quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12/8/2022 quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025.

²Văn bản số 2134/BTP-TGPL ngày 28/6/2022 thực hiện nội dung trợ giúp pháp lý của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025; số 1918/BTP-TGPL ngày 10/6/2022 thực hiện một số nội dung của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021- 2025; số 1420/BTP-TGPL ngày 05/5/2022 thực hiện nội dung về trợ giúp pháp lý theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ; Nghị quyết số 39/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của HĐND tỉnh Bắc Kạn về việc quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức hội, đơn vị lực lượng vũ trang có sử dụng ngân sách tỉnh Bắc Kạn; Nghị quyết số 21/2018/NQ-HĐND ngày 10/12/2018 của HĐND tỉnh Bắc Kạn ban hành quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trong nước do ngân sách địa phương đảm bảo; Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 19/7/2022 của HĐND tỉnh Bắc Kạn về việc thông qua phương án phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2021-2025 và phân bổ kế hoạch vốn năm 2022 thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

³các Kế hoạch số: 02/KH-TGPL ngày 22/3/2023 thực hiện nội dung trợ giúp pháp lý (TGPL) trong Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2023; 03/KH-TGPL ngày 22/3/2023 thực hiện nội dung TGPL trong Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển KTXH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023; 04/KH-TGPL ngày 22/3/2023 triển khai thực hiện nội dung TGPL trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2023; 40/KH-TGPL ngày 07/11/2023 tổ chức các Hội nghị "Bồi dưỡng kiến thức TGPL cho người dân tộc thiểu số"; 47/KH-TGPL ngày 08/12/2023 tổ chức Hội nghị chuyên đề TGPL điểm kết nối cộng đồng và tư vấn pháp luật.

2.2. Kinh phí được giao năm 2023: 691.000.000,đ tại Quyết định số 20/QĐ-STP ngày 08/02/2023 của Sở Tư pháp (Gồm: Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững 51.000.000,đ; Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới 60.000.000,đ; Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi 580.000.000,đ).

2.3. Kinh phí được sử dụng năm 2023

(Đơn vị tính: Đồng)

Thứ tự	CTMTQG giảm nghèo bền vững	CTMTQG- XD Nông thôn mới	CTMTQG- PTKT-XH vùng đồng bào dân DTTS và MN	Tổng cộng
1. Kinh phí năm 2022 chuyển sang		6.089.688,		6.089.688,
2. Kinh phí được giao năm 2023	51.000.000,	60.000.000,	580.000.000,	691.000.000,
3. Kinh phí được sử dụng năm 2023	51.000.000,	66. 089.688,	580.000.000,	697.089.688,

2.4. Kinh phí đã sử dụng và quyết toán năm 2023

(Đơn vị tính: Đồng)

Nội dung	CTMTQG giảm nghèo bền vững	CTMTQG- XD Nông thôn mới	CTMTQG- PTKT-XH vùng đồng bào dân DTTS và MN	Tổng cộng
1. Kinh phí đã sử dụng năm 2023	51.000.000,	66. 089.688,	580.000.000,	697.089.688,
2. Kinh phí đã quyết toán năm 2023	51.000.000,	66. 089.688,	580.000.000,	697.089.688,

Bằng chữ: (Sáu trăm chín mươi bảy triệu, không trăm tám mươi chín nghìn sáu trăm tám mươi tám đồng).

3. Thực hiện kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2023

- Số kinh phí đã thực hiện: 51.000.000,đ (Năm mươi một triệu đồng).

- Việc quản lý, sử dụng kinh phí: Đơn vị đã thực hiện đúng theo các chế độ, chính sách, quy định hiện hành về quản lý tài chính của nhà nước và của địa phương và quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị; lập dự toán, chấp hành dự toán và quyết toán đúng nguồn kinh phí được giao, chứng từ kế toán cập nhật và lưu trữ theo quy định; Thực hiện công khai tài chính, hạch toán, kế toán và

lập báo cáo quyết toán tài chính chi tiết kinh phí các Chương trình, dự án theo Phụ biểu F01-02/BCQT.

- *Văn bản áp dụng triển khai thực hiện*⁴

- *Về đối tượng thụ hưởng, nội dung triển khai công tác trợ giúp pháp lý (TGPL):* Đơn vị đã xác định và lựa chọn đúng đối tượng thụ hưởng (là cán bộ thôn, bản); nội dung triển khai thực hiện TGPL theo đúng hướng dẫn tại điểm c, mục 2 Văn bản số 2134/BTP-TGPL ngày 28/6/2022 của Bộ Tư pháp.

- *Về chứng từ kế toán:* Giấy rút dự toán số 219 ngày 31/8/2023, thanh toán tiền tổ chức Hội nghị “Bồi dưỡng kiến thức TGPL điểm cho cán bộ thôn bản” tại xã Dương Sơn và Xuân Dương, huyện Na Rì ngày 23/6/2023, các chứng từ sau ghi không đúng quy định: Hợp đồng số 145/HĐ ngày 01/6/2023 phát hành trước hợp đồng số 144/HĐ ngày 22/6/2023, là không đúng theo số thứ tự phát hành (số 145 có trước số 144).

4. Thực hiện kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2023

- *Kinh phí đã thực hiện:* 66.089.688,đ (Sáu mươi sáu triệu, không tám tám mươi chín nghìn sáu trăm tám mươi tám đồng).

- *Việc quản lý, sử dụng kinh phí:* Đơn vị đã thực hiện đúng theo các chế độ, chính sách, quy định hiện hành về quản lý tài chính của nhà nước và của địa phương và quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị; lập dự toán, chấp hành dự toán và quyết toán đúng nguồn kinh phí được giao, chứng từ kế toán cập nhật và lưu trữ theo quy định; Thực hiện công khai tài chính, hạch toán, kế toán và lập báo cáo quyết toán tài chính chi tiết kinh phí các Chương trình, dự án theo Phụ biểu F01-02/BCQT.

- *Văn bản áp dụng triển khai thực hiện*⁵

- *Về đối tượng thụ hưởng, nội dung triển khai công tác TGPL:* Đơn vị đã xác định và lựa chọn đúng đối tượng thụ hưởng (là người có uy tín trong cộng đồng; chính quyền và đội ngũ cán bộ ở cơ sở, tổ chức, đoàn thể cấp xã, người dân vùng nông thôn, người thực hiện TGPL); nội dung triển khai thực hiện

⁴Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư số 46/2022/TT-BTC ngày 28/7/2022; Kế hoạch số 178/KH-UBND ngày 21/3/2022 của UBND tỉnh; Văn bản hướng dẫn của Bộ Tư pháp (số 2134/BTP-TGPL ngày 28/6/2022); Quyết định giao dự toán số 20/QĐ-STP ngày 08/02/2023 của Sở Tư pháp; Quyết định số 66/QĐ-TGPL ngày 22/3/2023 về việc phê duyệt dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ TGPL trong Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2023; Kế hoạch số 02/KH-TGPL ngày 22/3/2023.

⁵Quyết định số 236/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/7/2017; Văn bản hướng dẫn số 1918/BTP-TGPL ngày 10/6/2022; Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 19/7/2022 của HĐND tỉnh; Nghị quyết số 39/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của HĐND tỉnh; Kế hoạch số 231/KH-UBND ngày 08/4/2022, số 481/KH-UBND ngày 29/7/2022, số 125/KH-UBND ngày 28/02/2023 của UBND tỉnh; Quyết định số 20/QĐ-STP ngày 08/02/2023; Quyết định số 65/QĐ-TGPL ngày 22/3/2023 của Trung tâm TGPL; Kế hoạch số 04/KH-TGPL ngày 22/3/2023 của Trung tâm TGPL.

TGPL theo đúng hướng dẫn tại Phần II, Văn bản số 1918/BTP-TGPL ngày 10/6/2022 của Bộ Tư pháp.

- *Về chứng từ kế toán:* Giấy rút dự toán số 235 ngày 25/9/2023 thanh toán tiền tổ chức Hội nghị “Bồi dưỡng kiến thức trợ giúp pháp lý miễn phí cho cán bộ các hội đoàn thể cấp xã” trên địa bàn huyện Pác Nặm ngày 05/6/2023, không có dự trừ kinh phí kèm theo, là thực hiện không đúng quy định tại khoản 1, Điều 13 Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017. Khoản 1, Điều 13 quy định về hóa đơn, chứng từ thanh toán chi hội nghị: “*Văn bản, kế hoạch tổ chức hội nghị được người có thẩm quyền phê duyệt theo quy định*”.

5. Thực hiện kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023

- *Kinh phí đã thực hiện:* 580.000.000,đ (Năm trăm tám mươi triệu đồng).

- *Việc quản lý, sử dụng kinh phí:* Đơn vị đã thực hiện đúng theo các chế độ, chính sách, quy định hiện hành về quản lý tài chính của nhà nước và của địa phương và quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị; lập dự toán, chấp hành dự toán và quyết toán đúng nguồn kinh phí được giao, chứng từ kế toán cập nhật và lưu trữ theo quy định; Thực hiện công khai tài chính, hạch toán, kế toán và lập báo cáo quyết toán tài chính chi tiết kinh phí các Chương trình, dự án theo Phụ biểu F01-02/BCQT.

- *Văn bản áp dụng triển khai thực hiện⁶*

- *Về đối tượng thụ hưởng, nội dung triển khai công tác TGPL:* Đơn vị đã xác định và lựa chọn đúng đối tượng thụ hưởng (là già làng, trưởng bản, người có uy tín trong cộng đồng, cán bộ cơ sở, người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, người thực hiện TGPL và cán bộ các cơ quan liên quan); nội dung triển khai thực hiện TGPL theo đúng hướng dẫn tại mục 4, Văn bản số 1420/BTP-TGPL ngày 05/5/2022 của Bộ Tư pháp.

- *Về chứng từ kế toán:*

+ Giấy rút dự toán số 192 ngày 15/8/2023, thanh toán tiền in tài liệu truyền thông về TGPL tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tại xã Cốc Đán, Thượng Ân, huyện Ngân Sơn: Chi thanh toán không đúng quy định (Hóa đơn số 000000085 ngày 31/7/2023) số tiền 33.364,đ (Ba mươi ba nghìn ba trăm sáu mươi tư đồng).

⁶Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017; Thông tư số 214/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016; Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018; Văn bản hướng dẫn số 1420/BTP-TGPL ngày 05/5/2022; Nghị quyết số 39/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của HĐND tỉnh; Nghị quyết số 21/2018/NQ-HĐND ngày 10/12/2018 của HĐND tỉnh; Kế hoạch số 760/KH-UBND ngày 28/11/2022, số 125/KH-UBND ngày 28/02/2023, số 174/KH-UBND ngày 10/3/2023 của UBND tỉnh; Quyết định số 20/QĐ-STP ngày 08/02/2023; Quyết định số 64/QĐ-TGPL ngày 22/3/2023 của Trung tâm TGPL; Kế hoạch triển khai thực hiện số 03/KH-TGPL ngày 22/3/2023 của Trung tâm TGPL.

+ Giấy rút dự toán số 195 ngày 17/8/2023, thanh toán tiền “Hợp đồng thiết kế, in sách Hỏi-đáp TGPL cho người dân tộc thiểu số”: Không có báo cáo kết quả thu thập thông tin báo giá để in cuốn sách Hỏi – đáp TGPL cho người dân tộc thiểu số, là thực hiện không đúng quy định tại khoản 7, Điều 4 Quyết định số 17/2019/QĐ-TTg ngày 08/4/2019 của Chính phủ và khoản 1, Điều 13 Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính.

Khoản 7, Điều 4 Quyết định số 17/2019/QĐ-TTg quy định: “*Đối với gói thầu quy định tại khoản 19, Điều 3 (gói thầu có giá gói thầu không quá 50.000.000,đ) Quyết định này được thực hiện theo quy trình như sau: Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định việc mua sắm bảo đảm nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả và tự chịu trách nhiệm về quyết định của mình; không bắt buộc phải ký hợp đồng với nhà cung cấp nhưng phải bảo đảm chế độ hóa đơn, chứng từ đầy đủ theo đúng quy định của pháp luật...*”

Khoản 1, Điều 13 quy định về hóa đơn, chứng từ thanh toán chi hội nghị: “*Văn bản, kế hoạch tổ chức hội nghị được người có thẩm quyền phê duyệt theo quy định*”.

+ Giấy rút dự toán số 203 ngày 18/8/2023, thanh toán tiền thuê xe đi tổ chức “Hội nghị bồi dưỡng kiến thức cho người dân tộc thiểu số” tại huyện Chợ Đồn, Na Rì, Chợ Mới: Biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng số 92/NT, TLHĐ không ghi ngày nghiệm thu, thanh lý.

+ Giấy rút dự toán số 351 ngày 30/10/2023, thanh toán theo hợp đồng số 42/2023-HĐTT ngày 23/8/2023, số tiền là 30.000.000,đ (Ba mươi triệu đồng): Giấy chứng nhận phát sóng (chứng nhận, đảm bảo thời gian phát sóng từ ngày 31/8/2023 đến ngày 19/10/2023) của Đài phát thanh và Truyền hình tỉnh Bắc Kạn không ghi ngày, tháng.

6. Việc lưu trữ chứng từ kế toán thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2023: Chứng từ được bảo quản và lưu trữ đầy đủ theo quy định của Luật Kế toán. Tuy nhiên, việc sắp xếp chứng từ không theo thứ tự, thời gian phát sinh.

7. Trách nhiệm của các cá nhân đối với tồn tại, hạn chế:

- Ông Sầm Văn Kính - Nguyên Phó Giám đốc Trung Tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước (nghỉ chế độ từ ngày 01/11/2023 theo Quyết định số 90/QĐ-STP ngày 28/7/2023);

- Ông Lý Văn Trung - Phó Giám đốc Trung Tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước (bổ nhiệm từ ngày 01/6/2023 theo Quyết định số 64/QĐ-STP ngày 30/5/2023);

- Bà Nguyễn Thị Lanh - Kế toán Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước (Quyết định số 74/QĐ-STP ngày 30/6/2023 về việc biệt phái viên chức và

phân công nhiệm vụ phụ trách kế toán từ 01/7/2023);

- Bà Hoàng Thị Thu Hà - Trợ giúp viên pháp lý, Trung Tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước, người được phân công tham gia tổ chức hội nghị, thực hiện soạn thảo hợp đồng và các thủ tục thanh toán (tại đề xuất ngày 16/6/2023);

- Bà Đinh thị Thu - Viên chức, Trung Tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước, người được phân công tham gia thực hiện in sách Hỏi - đáp “Trợ giúp pháp lý cho người dân tộc thiểu số” và các thủ tục thanh toán (hợp đồng số 118/HĐ ngày 08/6/2023).

.....